

PHỤ LỤC 01

Thiệt hại của nhân dân do thiên tai gây ra trên địa bàn xã Sơn Thủy Từ ngày 25 đến ngày 02/11/2025
(Kèm Công văn số//UBND-KT ngày /11/2025 của UBND xã Sơn Thủy)

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồn gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
1	Đình Văn Bãi	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	-	-
2	Đình Thị Bằng	1	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	-	-
3	Đình Văn Sơn	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	-	-
4	Đình Văn Sương	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	-	-
5	Trần Văn Côi	6	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	-	-
6	ĐìnhThị Bỏ	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy							1	0	0	0	0	0	-	-
7	Đình Văn Trục	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	-	-
8	Nguyễn Văn Chút (Nông cơ)	1	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	-	-
9	Đình Văn Sa	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	-	-
10	Đình Văn Địa	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.9	0	-	-
11	Đình Văn Soi	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
12	Đình Văn Nhẽ	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0.5	0	-	-
13	Đình Văn Mút	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
14	Đình Văn Cu	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
15	Đình Văn Che	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
16	Đình Thị Tréo	1	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
17	Đình Văn Dương	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
18	Đình Văn Nghĩa	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	-
19	Đình Ma Niêu	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
20	Đình Văn My	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	-	-
21	Đình Văn Hoanh	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	-	-
22	Đình Văn Khương	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
23	Đình A Ria	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,5	0	-	-
24	Đình Văn Đóp	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
25	Đình Văn Kin	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
26	Đinh Văn Đò	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
27	Đinh Văn Sân	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,07	0	-	-
28	Đinh Hà Bút	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
29	Đinh Thị Bân	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
30	Đinh Văn Phí	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	-
31	Đinh Văn Bảy	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	-	-
32	Đinh Văn Rẻo	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	
33	Đinh Cương	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	
34	Đinh Thị Bôn	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	
35	Đinh Văn Huynh	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	
36	Đinh văn Kìa	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	
37	Đinh Hồng Sơn	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	
38	Đinh Văn Bỏ	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	
39	Đinh Văn Bã	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	
40	Đinh Văn Nảy	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	
41	Nguyễn Sang	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	
42	Đinh Văn Tạ	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	
43	Đinh Văn Doan	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	
44	Đinh Văn Do	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	
45	Đinh Văn Say	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	
46	Đinh Văn Sí	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	
47	Đinh Văn Tré	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		8
48	Đinh Văn Sốt	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	
49	Đinh Văn Ría	7	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	
50	Đinh Văn Sốt	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	
51	Đinh Văn Thăng	3	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		70
52	Đinh Văn Hênh	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		50
53	Đinh Văn Đôi	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	
54	Đinh Văn Siêu	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	
55	Đinh Tâm	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	
56	Đinh Thị Huệ	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
57	Đình Văn Lạc	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
58	Đình Văn Đào	2	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	
59	Đình Văn Tái	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	
60	Đình Thị Nguy	4	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	
61	Đình Văn Sy	5	Thôn Gò Rộc, Sơn Thủy	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	33	5
I		213		0	0	0	0	0	0	8	0	0	0	5,57	0	8.883	133
1	Đình Văn Tôm	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	-	700
2	Đình Văn Thu	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					33
3	Đình Văn Đê	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					300
4	Đình Văn Triên	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					400
5	Đình Văn Ngọc	6	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					500
6	Đình Thị So	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					350
7	Đình Văn Trà	2	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					300
8	Đình Văn Trầu	6	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					500
9	Đình Văn Niên	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					1.110
10	Đình Văn Trêu	2	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					500
11	Đình Văn Đất	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					450
12	Đình Triên	2	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					500
13	Đình Văn Sun	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
14	Đình Văn Dũ	2	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					200
15	Đình Văn Đốt	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					80
16	Đình Văn Nhin	6	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
17	Đình Thị Mầu	6	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					90
18	Đình Văn Tiểu	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					70
19	Đình Văn Tách	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					200
20	Đình Văn Súa	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					90
21	Đình Văn Đen	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
22	Đình Văn Hòa	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					70
23	Đình Văn Ngấp	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					80
24	Đình Văn Đom	7	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					60
25	Đình Văn Pay	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,4			100

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
26	Đình Văn Việc	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					500
27	Đình Văn Ráo	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					110
28	Đình Văn Siết	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,3			200
29	Đình Văn Quyền	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					140
30	Đình Tiến Đẻ	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					200
31	Đình Văn Trế	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					500
32	Đình Văn Thao	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					200
33	Đình Văn Trong	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
34	Đình Thị Chiên	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					90
35	Đình Văn Sy	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
36	Đình Văn Vắc	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
37	Đình Thị Thiêm	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
38	Đình Văn Tho	6	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					90
39	Đình Văn Thiết	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					150
40	Đình Văn Thê	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
41	Đình Văn Đãi	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					200
42	Đình Văn Ngen	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					90
43	Đình Văn Vun	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					100
44	Đình Trung Phanh	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					80
45	Đình Văn Đào	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					90
46	Đình Văn Bể	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		1			
47	Đình Văn Phiên	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,9			
48	Đình Văn Mân	6	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,3			
49	Đình Văn Săm	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,2			
50	Đình Thị Báy	3	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,1			
51	Đình Văn Trưa	2	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,5			
52	Đình Văn Huế	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,6			
53	Đình Xuân Nhị	4	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
54	Đình Văn Triều	5	Thôn Tà Pía	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0,3			
II		230		0	0	0	0	0	0	0	0		0	4,6	0	-	10.223

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
1	Đình Văn Tô	5	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,4	1000		
2	Đình Văn Méo	6	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,25	0	-	-
3	Đình Thị Lầy	2	Thôn Giá Gối	0	0	0			0		0		0	0,01	0	-	-
4	Đình Ka Đoát	2	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1000	-	-
5	Đình Văn Khóa	4	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	-	-
6	Đình Văn Đàng	3	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	-	-
7	Đình Thị Hiền	4	Thôn Giá Gối	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	100	-	-
8	Đình Văn Triều	4	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,15	0	-	-
9	Đình Văn Khếp	4	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	-	-
10	Đình Văn Bôi	2	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	-	-
11	Đình Văn Chiếc	4	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	-	-
12	Đình Văn Mai	3	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	-	-
13	Đình Thị Ngã	2	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	-	
14	Đình Thị Xây	2	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	-	-
15	Đình Văn Bích	4	Thôn Giá Gối	0	0		0	0	0	0	0	0	0	0	50	-	-
16	Đình Văn Ben	4	Thôn Giá Gối	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	-	-
III		55		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,81	2960	-	-
1	ĐÌNH VĂN OANH	2	Làng Đèo													10	10
2	ĐÌNH VĂN TỀ	2	Làng Đèo							1							
3	ĐÌNH THỊ SANG	3	Làng Đèo												30	10	
4	ĐÌNH VĂN SỸ	5	Làng Đèo							1							
5	ĐÌNH THỊ RÃ	3	Làng Đèo													10	
6	ĐÌNH VĂN SÁO	4	Làng Đèo							1							
7	ĐÌNH VĂN HÉO	4	Làng Đèo							1							
8	ĐÌNH VĂN BÚI	7	Làng Đèo														15
9	ĐÌNH PON	2	Làng Đèo														16
10	ĐÌNH VĂN ÚT	2	Làng Đèo														12
11	ĐÌNH MINH PHỚP	9	Làng Đèo												20	10	10
12	ĐÌNH VĂN RÔM	2	Làng Đèo							1						10	11

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
13	ĐINH K RÂU	2	Làng Đèo													11	13
14	ĐINH VĂN KIÊN	4	Làng Đèo													10	12
15	ĐINH XUÂN CHUNG	5	Làng Đèo							1							
16	ĐINH VĂN CHIÊU	2	Làng Đèo							1							
17	ĐINH VĂN LÂM	3	Làng Đèo														12
18	ĐINH VĂN MÁT	3	Làng Đèo														12
19	ĐINH VĂN RIÊU	6	Làng Đèo														14
20	ĐINH GIA RAI	2	Làng Đèo							1						40	
21	ĐINH VĂN SẾO	4	Làng Đèo							1							14
22	ĐINH VĂN TRÊ	3	Làng Đèo							1							
23	ĐINH VĂN HOÀNG	3	Làng Đèo														13
24	ĐINH THỊ RÂY	5	Làng Đèo							1							
25	ĐINH THỊ LUẬN	3	Làng Đèo							1							
26	PHẠM HUY DU	4	Làng Đèo							1							
27	ĐINH THỊ BIÊN	3	Làng Đèo													12	13
28	ĐINH VĂN NGÃ	6	Làng Đèo													14	15
29	ĐINH VĂN ĐUÔNG	4	Làng Đèo													15	12
30	LÊ VĂN TRUNG	4	Làng Đèo							1							
31	ĐINH VĂN GIÊU	6	Làng Đèo													11	12
32	ĐINH VĂN ĐÃ	4	Làng Đèo													10	11
33	ĐINH VĂN PHÊ	4	Làng Đèo							1							
34	ĐINH VĂN NGHÉO	6	Làng Đèo							1							10
35	ĐINH VĂN SIÊM	2	Làng Đèo							1							
36	ĐINH HỒNG CHUYỀN	4	Làng Đèo							1							
37	ĐINH THỊ QUENG	5	Làng Đèo														10
38	ĐINH VĂN HON	4	Làng Đèo													12	13
39	ĐINH VĂN BIÊU	3	Làng Đèo							1							12
40	ĐINH THỊ BÔNG	5	Làng Đèo														12

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
41	ĐINH THỊ SANG	1	Làng Đèo							1							
42	ĐINH VĂN TRONG	4	Làng Đèo														10
43	ĐINH VĂN NGHỆ	7	Làng Đèo													11	12
44	ĐINH VĂN ME	4	Làng Đèo													11	12
45	ĐINH THỊ NÚ	3	Làng Đèo							1							11
46	ĐINH VĂN RỒNG	1	Làng Đèo							1							10
47	ĐINH VĂN TÙNG	4	Làng Đèo													12	13
48	ĐINH VĂN ĐEN	2	Làng Đèo							1					10		
49	ĐINH VĂN BỈA	4	Làng Đèo							1							
50	ĐINH VĂN XUA	4	Làng Đèo							1							11
51	ĐINH THỊ VÊ	5	Làng Đèo													11	12
52	ĐINH TẤN ĐỊNH	3	Làng Đèo							1							
53	ĐINH VĂN DÍT	5	Làng Đèo													12	15
54	ĐINH VĂN NGHIÊN	4	Làng Đèo													11	13
55	ĐINH VĂN CHẾ	4	Làng Đèo											0,1	20		
56	ĐINH VĂN LỄ	6	Làng Đèo													11	14
57	ĐINH VĂN MƯỜI	4	Làng Đèo													12	15
58	ĐINH VĂN LÊU	3	Làng Đèo													13	12
59	ĐINH THỊ XÊ	2	Làng Đèo							1					20		
60	ĐINH VĂN HOÀNG	4	Làng Đèo							1							
61	ĐINH PÀ RÊ	7	Làng Đèo											0,3	40		
62	ĐINH VĂN LÀNH	7	Làng Đèo							1							
63	ĐINH VĂN MINH	4	Làng Đèo													12	12
64	ĐINH VĂN ĐÁY	3	Làng Đèo													13	13
65	ĐINH VĂN XOÃN	5	Làng Đèo										200- 300 con cá				
66	ĐINH CÔNG VĂN	4	Làng Đèo													14	13
67	ĐINH VĂN MĂNG	5	Làng Đèo													12	11
68	ĐINH K LÍT	8	Làng Đèo													14	13
69	ĐINH VĂN BỐ	4	Làng Đèo							1						11	13

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
70	NGUYỄN VĂN ĐỨC	5	Làng Đèo													10	12
71	ĐINH VĂN SY	3	Làng Đèo							1							
72	ĐINH RÍT	7	Làng Đèo													13	12
73	ĐINH THỊ TRÊN	3	Làng Đèo													12	14
74	ĐINH VĂN CHIỀU	2	Làng Đèo													20	14
75	ĐINH THỊ SỸ	2	Làng Đèo													11	12
76	ĐINH XUÂN TOA	4	Làng Đèo							1						10	10
77	ĐINH THỊ RẮC	1	Làng Đèo													10	10
78	ĐINH THỊ SƯƠNG	4	Làng Đèo													20	15
79	ĐINH VĂN SÂM	4	Làng Đèo							1						10	10
80	ĐINH THỊ BẢO	4	Làng Đèo													10	10
81	ĐINH VĂN THẮNG	3	Làng Đèo													11	11
82	ĐINH VĂN SÁT	4	Làng Đèo							1							11
83	ĐINH THỊ VẼ	4	Làng Đèo													11	12
84	PHẠM VĂN CUỐC	3	Làng Đèo													12	12
85	ĐINH VĂN LỆ	4	Làng Đèo													11	12
86	ĐINH THỊ ĐỎA	1	Làng Đèo							1							
87	ĐINH VĂN VỚI	4	Làng Đèo													11	12
88	ĐINH VĂN MINH	4	Làng Đèo							1							11
89	ĐINH VĂN ĐĂM	1	Làng Đèo													12	12
IV		342								36					140	559	731
1	Đinh Văn Vẽ	4	Thôn Làng Rào														1000
2	Đinh Văn Úc	4	Thôn Làng Rào														600
3	Đinh Văn Lăm	4	Thôn Làng Rào														400
4	Đinh Văn Nguyên	4	Thôn Làng Rào														1000
5	Đinh Văn Hom	3	Thôn Làng Rào														50
6	Đinh Văn Tây	4	Thôn Làng Rào														30
7	Đinh Văn Trô	8	Thôn Làng Rào														20
8	Phạm Văn Nhung	3	Thôn Làng Rào														500
9	Đinh Văn Huýt	8	Thôn Làng Rào														500
10	Đinh Văn Miên	2	Thôn Làng Rào														

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
11	Đình Hà Voi	3	Thôn Làng Rào														1000
12	Đình Thị Siếu	6	Thôn Làng Rào														200
13	Đình Văn Trề	2	Thôn Làng Rào														400
14	Đình Văn Ay	4	Thôn Làng Rào														50
15	Đình Thị Trề	5	Thôn Làng Rào														50
16	Đình Văn Đòa	5	Thôn Làng Rào														300
17	Đình Văn Trôn	4	Thôn Làng Rào											0,2			350
18	Đình Văn Sỹ	6	Thôn Làng Rào														600
19	Đình Văn Thê	6	Thôn Làng Rào														700
20	Đình Thị Sả	5	Thôn Làng Rào														600
21	Đình Văn Trang	4	Thôn Làng Rào														200
22	Đình Thị Nấy	4	Thôn Làng Rào														250
23	Đình Văn Lây	6	Thôn Làng Rào											0,03			500
24	Đình Văn Rê	5	Thôn Làng Rào														300
25	Đình Văn Cây	6	Thôn Làng Rào														280
26	Đình Văn Phê	6	Thôn Làng Rào														300
27	Đình Thị Dên	3	Thôn Làng Rào														110
28	Đình Thị Hồng	3	Thôn Làng Rào											0,3			120
29	Đình Văn Vấp	6	Thôn Làng Rào														140
30	Đình Thị Meo	3	Thôn Làng Rào														100
31	Đình Pa Riêu	4	Thôn Làng Rào														100
32	Đình Văn Trem	4	Thôn Làng Rào														160
33	Đình Văn Léch	5	Thôn Làng Rào														80
34	Đình Văn Khăn	4	Thôn Làng Rào														120
35	Đình Văn Mừng	6	Thôn Làng Rào														80
36	Đình Thị Đe	2	Thôn Làng Rào														140
37	Đình Văn Bằng	4	Thôn Làng Rào														200
38	Đình Thị Xác	5	Thôn Làng Rào														130
39	Đình Văn Út	5	Thôn Làng Rào														160
40	Đình Hà Vành	4	Thôn Làng Rào														150
41	Đình Văn Bá (Siếu)	6	Thôn Làng Rào														

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
42	Đinh Kà Rếp	8	Thôn Làng Rào														110
43	Đinh Văn Tây	6	Thôn Làng Rào														40
44	Đinh Văn Thức	4	Thôn Làng Rào											0,3			
45	Đinh Văn Thau	4	Thôn Làng Rào											0,25			
46	Đinh Văn Bờ	5	Thôn Làng Rào											0,12			
47	Đinh Văn Tài	4	Thôn Làng Rào											0,28			
48	Đinh Văn Sĩ	6	Thôn Làng Rào											0,1			
49	Nguyễn Phi Hùng	4	Thôn Làng Rào											0,3			
50	Đinh Thị Thúy Kiều	4	Thôn Làng Rào											0,2			
51	Nguyễn Thị Hoa	5	Thôn Làng Rào		x										0,06		
52	Huỳnh Đen	4	Thôn Làng Rào		x												
53	Đinh Văn Khả	4	Thôn Làng Rào											0,1			
54	Đinh Thị Thúy	3	Thôn Làng Rào											0,3			
55	Đinh Văn Lếch	6	Thôn Làng Rào											0,1			
56	Đinh Văn Phứ	5	Thôn Làng Rào											0,04			
57	Đinh Thị Séo	4	Thôn Làng Rào											0,4			
58	Mai Văn Thọ	5	Thôn Làng Rào						20								
59	Đinh Thị Lạc	2	Thôn Làng Rào														300
60	Đinh Văn Trít	5	Thôn Làng Rào														600
61	Đinh Văn Triều	5	Thôn Làng Rào														500
62	Đinh Văn Đùng	4	Thôn Làng Rào														
63	Đinh Văn Danh	6	Thôn Làng Rào														40
64	Đinh Văn Giúp	1	Thôn Làng Rào														200
65	Đinh Văn Bin	6	Thôn Làng Rào														
66	Đinh Văn Du	3	Thôn Làng Rào														40
67	Đinh Công Văn	6	Thôn Làng Rào														300
68	Đinh Văn Sung	5	Thôn Làng Rào														500
69	Đinh Văn Dờ	3	Thôn Làng Rào														
70	Đinh Văn Phương	3	Thôn Làng Rào														
71	Đinh Văn Linh	2	Thôn Làng Rào														
72	Đinh Vét	3	Thôn Làng Rào														50

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
73	Đình Văn Thân	2	Thôn Làng Rào														
74	Đình Thị Sưa	3	Thôn Làng Rào														
75	Đình Văn Thiên	2	Thôn Làng Rào														
76	Đình Văn Thèo	2	Thôn Làng Rào														
77	Đình Văn Tréo	2	Thôn Làng Rào														
78	Đình Thị Sỏi	2	Thôn Làng Rào														
79	Đình Văn Huế	2	Thôn Làng Rào														
80	Đình Văn Rối	2	Thôn Làng Rào														
81	Đình Văn Quân	2	Thôn Làng Rào														10
82	Đình Văn Bản	3	Thôn Làng Rào														50
83	Đình Thị Phế	4	Thôn Làng Rào														
84	Đình Văn Sin	2	Thôn Làng Rào														
85	Đình Hà Vây	3	Thôn Làng Rào														
86	Đình Văn Trang	2	Thôn Làng Rào														
87	Đình Thị Trế	3	Thôn Làng Rào														
88	Đình Văn Phương	6	Thôn Làng Rào														
89	Đình Văn Rê	2	Thôn Làng Rào														
90	Đình Văn Đồi	2	Thôn Làng Rào														
91	Đình Thị Rét	1	Thôn Làng Rào														
92	Đình A Roi	4	Thôn Làng Rào														
93	Đình Văn Trầm	3	Thôn Làng Rào														
94	Đình Văn Tý	2	Thôn Làng Rào														100
95	Đình Văn Tề	6	Thôn Làng Rào														110
96	Đình Văn Tư	5	Thôn Làng Rào														60
97	Đình Văn Sữa	6	Thôn Làng Rào														
98	Đình Văn Non	3	Thôn Làng Rào														20
99	Đình Văn Suốt	4	Thôn Làng Rào														
100	Đình Văn Triều	3	Thôn Làng Rào														10
NG CỘNG		403		0	0	0	0	0	20	0	0	0	0	0	0	0	15010
1	Đình Thị Banh	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	
2	Đình Văn Vẽ	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
3	Đinh Văn Dết	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15	
4	Đinh Văn Khoảng	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
5	Đinh Văn Vãi	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	
6	Đinh Văn Mênh	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
7	Đinh Văn Triều	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
8	Đinh Văn Tri	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		10
9	Đinh Thị Sét	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
10	Đinh Văn Môi	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
11	Đinh Văn Húy	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
12	Đinh Văn Sang	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
13	Đinh Văn Hù	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		30
14	Đinh Ba Lót	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
15	Đinh Văn Sót	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
16	Đinh Văn Trôn	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
17	Đinh Văn vót	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
18	Đinh Văn Hệ	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	
19	Đinh Tấn Nga	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
20	Đinh Văn Trứ	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
21	Đinh Văn Say	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
22	Đinh Đỗ Hoát	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		30
23	Đinh Hà Viều	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
24	Đinh Văn Eo	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
25	Đinh Văn Trút	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
26	Đinh Văn Phư	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		25
27	Đinh Văn Hùng	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
28	Đinh Văn Tiểu	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		30
29	Đinh Văn Hoàng	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
30	Đinh Thị Siết	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	
31	Đinh Văn Vối	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		10
32	Đinh Văn Liết	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
33	Đinh Văn Thu	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
34	Đinh Ma Rét	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	
35	Đinh Văn Tầm	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		25
36	Đinh Văn Đon	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
37	Đinh Văn Bùi	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
38	Đinh Văn Sá	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
39	Đinh Văn Thương	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
40	Đinh Văn Trữ	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		30
41	Đinh Văn Triêm	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		50
42	Đinh Pa Ra	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
43	Đinh Thị Tăng	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
44	Đinh Văn Ly	6	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		30
45	Đinh Văn Riêng	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		50
46	Đinh Văn Tên	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
47	Đinh Văn Bo	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
48	Đinh Quốc Huy	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
49	Đinh Ka Đanh	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
50	Đinh Văn Triều	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		40
51	Đinh Văn Lắc	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
52	Đinh Văn Sôi	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
53	Đinh Thị Sót	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
54	Đinh Văn Tría	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
55	Đinh Văn Lạc	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
56	Đinh Văn Lói	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
57	Đinh Văn Phùng	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		50
58	Đinh Dơ Nét	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
59	Đinh Văn Sắp	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
60	Đinh Văn Sí	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		10
61	Đinh Văn Hoát	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
62	Đinh Văn Nhé	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	
63	Đinh Văn Nhăm	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	
64	Đinh Văn Bời	2	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
65	Đinh Gia Rề	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
66	Đinh Văn Pha	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	
67	Đinh Văn Hiệp	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	
68	Đinh Văn Sim	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
69	Đinh Văn Mía	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
70	Đinh Thị Sáy	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		15
71	Đinh Thị Sĩa	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
72	Đinh Văn Trầy	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
73	Đinh Ka Rách	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
74	Đinh Văn Nhiệm	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	
75	Đinh Văn Sía	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	
76	Đinh Ka Xí	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15	
77	Đinh Văn Mía	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	
78	Đinh Văn Nhật	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
79	Đinh Thị Sang	4	Thôn Tà Bần						1	0	0	0	0	0	0		
80	Đinh Văn Cương	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0		
81	Đinh Văn Trết		Thôn Tà Bần						0	0	0	0	0	0	0	30	
82	Đinh Thị Tiêm	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	
83	Đinh Thị Dung	4	Thôn Tà Bần						0	0	0	0	0	0	0		20
84	Đinh Văn Phênh	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		10
85	Đinh Thị Hải	3	Thôn Tà Bần						0	0	0	0	0	0	0	20	
86	Đinh Văn Khô	4	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
87	Đinh Thị Lý	4	Thôn Tà Bần						0	0	0	0	0	0	0	20	
88	Đinh Văn Tréo	3	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		10
89	Đinh Văn Hòa	4	Thôn Tà Bần						0	0	0	0	0	0	0	30	
90	Đinh Văn Huế	5	Thôn Tà Bần	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		10
91	Đinh Văn Méo	2	Thôn Tà Bần														
VI		332		0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1.815	805
1	Đinh Văn Tỳ	3	Thôn Tà Mầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	10
2	Đinh Văn Thương	4	Thôn Tà Mầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	9
3	Đinh Văn Ron	4	Thôn Tà Mầu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	2

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
4	Đinh Văn Phơi	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	110	8
5	Đinh Văn Sen	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	8
6	Đinh Văn Ghề	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	1
7	Đinh Văn Mạnh	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	4
8	Đinh Văn Tréo	2	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15	2
9	Đinh Văn Trào	2	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	6
10	Đinh Văn Nang	6	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	20
11	Đinh Văn Sanh	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	5
12	Đinh Văn Vê	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	160	16
13	Đinh Thị Thắm	7	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	3
14	Đinh Thị Đào	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	210	6
15	Đinh Thanh Sur	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12	4
16	Đặng Quốc Việt	2	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	400	30
17	Đinh Văn Thanh	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	200	15
18	Đinh Thị Quê	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	20
19	Đinh Thị Nai	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	90	22
20	Đinh Văn Long	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	12
21	Đinh Văn trước	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	2
22	Đinh Văn Lân	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		10
23	Đinh Văn Ban	6	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	10
24	Đinh Văn Trú	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		20
25	Đinh Văn Quyền	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	10
26	Đinh Văn Trâm	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		12
27	Đinh Văn Sinh	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	15
28	Đinh Văn Tâm	2	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	40
29	Đinh văn Ná	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	12
30	Đinh Xuân Tréo	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	52	6
31	Đinh Văn Soát	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	20
32	Đinh Văn Biên	2	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		15
33	Đin Văn Thun	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	20
34	Đinh Văn Loát	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	15

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
35	Đinh Văn Hòe	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		15
36	Đinh Văn Són	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
37	Đinh Văn Ta	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
38	Đinh Thị Quê	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0		
39	Đinh Văn Quang	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	6
40	Nguyễn Tụ	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
41	Nguyễn văn Sang	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
42	Đinh Văn Vót	6	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15	12
43	Đinh Văn Tê	7	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	14	8
44	Đinh Trọng Nê	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	12	6
45	Đinh Văn Tân	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8	4
46	Đinh Văn Lát	6	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	6
47	Đinh Văn Viêm	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	8	5
48	Đinh Văn Hòe	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	4
49	Đinh Thị Quên	3	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	2
50	Đinh Văn Một	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	4
51	Đinh Văn Éo	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	6
52	Đinh Văn Rả	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
53	Nguyễn Hưu Sơn	5	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
54	Nguyễn Văn Hoàng	8	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
55	Nguyễn Đàng	2	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
56	Nguyễn Ngọc Thành	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
57	Nguyễn Văn Thành	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
58	Đinh Văn Muôn	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
59	Nguyễn Thị Hà	4	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
60	Nguyễn Hùng Quang	2	Thôn Tà Màu	0	0	0	0	0	0	1	0		0	0	0		-
VI		241		0	0	0	0	0	0	15	0	0	0	0	0	3.315	488
1	Đinh Văn Công	3	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.500	
2	Đinh Văn Téo	3	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.600	
3	Đinh Văn Kiệt	4	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.200	
4	Đinh Văn Nhua	3	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,011	850		

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
5	Đinh Văn Trea	4	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.500	
6	Đinh Văn Téo	4	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.800	
7	Đinh Văn Trôi	3	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.600	
8	Đinh Văn Ri	7	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.100	
9	Đinh Thị Trang	1	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	
10	Đinh Văn Sỹ	3	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.200	
11	Đinh Văn Phe	5	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.600	
12	Đinh Văn Phếu	3	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.200	
13	Đinh Văn Pha	2	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	
14	Đinh Văn Lê	4	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
15	Đinh Văn Lia	3	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,03	0,003	0	-	
16	Đinh Thị Bôn	1	Thôn Làng Nà	0	0	0	0	0	0	0	0	0		0	0	300	
VII		53		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,03	0,014	850	15.700	
1	Đinh Văn Bạch	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	320	12
2	Đinh Văn Tranh	2	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	18
3	Đinh Tà Vĩa	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	10
4	Đinh Văn Biêu	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	320	16
5	Đinh Tà Via	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	12
6	Đinh Văn Xiêng	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	12
7	Đinh Văn Thia	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	320	16
8	Đinh Văn Du	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	18
9	Đinh Văn Hiệp	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	18
10	Đinh Tà Vế	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	260	10
11	Đinh Văn Tử	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	12
12	Đinh Văn Rế	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	18
13	Đinh Văn Trui	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	20
14	Đinh Văn Tri	2	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	18
15	Đinh Văn Tức	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	300	10
16	Đinh A Liêu	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	10
17	Đinh Văn Bần	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	305	16
18	Đinh Văn Troa	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	16

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
19	Đinh Văn Bề	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	18
20	Đinh Thị Với	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	16
21	Đinh Thị Sa	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	10
22	Đinh ha Phân	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	320	16
23	Đinh Văn Thời	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	12
24	Đinh Thị Vinh	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	20
25	Đinh Văn Trật	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	12
26	Đinh Văn Khoanh	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	10
27	Đinh Văn Thâm	2	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	12
28	Đinh Văn Lấp	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	14
29	Đinh Văn Đôn	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	222	16
30	Đinh Văn Bun	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	18
31	Đinh Văn Lách	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	10
32	Đinh Văn VỢ	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	15
33	Đinh Văn Biên	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	150	
34	Đinh Văn Trun	2	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
35	Đinh Thị Nhứa	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120	
36	Đinh Văn Trũi	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	16
37	Đinh Văn Hiên	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	20
38	Đinh Thị Mít	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	140	
39	Đinh Thị Suất	2	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	12
40	Đinh Văn Tác	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	16
41	Đinh Minh Trắng	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	160	12
42	Đinh Hà Lý	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
43	Đinh Văn Sương	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	12
44	Đinh Văn Tria	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	12
45	Đinh Văn Trế	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	12
46	Đinh Văn Rẻo	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
47	Đinh Văn Trâm	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	230	10
48	Đinh Văn So	2	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	220	12
49	Đinh Văn Thang	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồn gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
50	Đinh Văn Rật	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	
51	Đinh A Xam	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	
52	Đinh Văn Trim	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120	
53	Đinh Văn Châm	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	12
54	Đinh Thị Đênh	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
55	Đinh Văn Đê	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
56	Đinh Văn Phu	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	
57	Đinh Văn Hạnh	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
58	Đinh Văn Siêng	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	20
59	Đinh Văn Hà	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	250	
60	Đinh Văn Nghê	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	12
61	Đinh Ka Tia	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	12
62	Đinh Văn Ly	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	10
63	Đinh K Xoa	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	12
64	Đinh Ma Hôi	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	10
65	Đinh Thị Viêu	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120	10
66	Đinh Văn Gùi	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	100
67	Đinh Văn Trinh	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	12
68	Đinh Văn Trôi	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	
69	Đinh Văn Ria	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	
70	Đinh Ma Hay	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
71	Đinh Văn Lũ	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	
72	Đinh Văn Dật	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	
73	ĐinhTa Với	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	10
74	Đinh Văn Tría	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	12
75	Đinh Thị Vã	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	80	10
76	Đinh Văn Chương	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	10
77	Đinh Văn Hường	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	12
78	Đinh Văn Tòa	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	10
79	Đinh Văn Mọt	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120	12
80	Đinh Văn Thành	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	10

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
81	Đình Văn Thia	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	160	13
82	Đình Tà Vênh	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	16
83	Đình Văn Bứa	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	140	14
84	Đình Văn Kim	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	160	16
85	Đình Ta Vắt	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	14
86	Đình Văn Nì	4	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	120	16
87	Đình Văn Trật	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	14
88	Đình A xôi	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	160	20
89	Đình Thị Mỹ	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	24
90	Đình Văn Siêu	3	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	10
91	Đình Ma Hay	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	10
92	Đình Thị Luân	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	12
93	Đình Văn Lũ	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	10
94	Đình Văn Kiều	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	12
95	Đình Văn Dật	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	70	16
96	Đình Văn Kóat	7	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	80	10
97	Đình Thị Nham	5	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	
98	Đình Văn Tren	6	Thôn Tà Cơm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	100	
		467		0	0	0	0		1	0	0	0	0	0	0	20.687	1.118
1	Đình Văn Phố	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	20
2	Đình A Réo	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	22
3	Đình Pa Rã	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	16
4	Đình Văn Nhật	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	20
5	Đình Văn Tăng	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	550	18
6	Đình Văn Giờ	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	30
7	Đình Văn Hai	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	15
8	Đình Hà Ván	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	25
9	Đình A Xoa	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	30
10	Đình Văn Trưa (b)	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	26
11	Đình Văn Dưa	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
12	Đình Văn Xây	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	800	40

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
13	Đinh Văn Đâu	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	350	20
14	Đinh Văn Phao	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	30
15	Đinh Thanh Hạ	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	40
16	Đinh Thị Háy		Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	25
17	Đinh Văn Sếch	8	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	18
18	Đinh Văn Bao	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	20
19	Đinh Ngức	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	25
20	Đinh Văn Tường	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
21	Đinh Ha Bôi	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	25
22	Đinh Văn Ta	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
23	Đinh Văn Hộp	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	650	25
24	Đinh Văn Sồ	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	30
25	Đinh Văn Nhít	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	800	20
26	Đinh A Xôi	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	18
27	Đinh Hà Vành	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	25
28	Đinh Văn Bế	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	30
29	Đinh Vằng Đùng	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	25
30	Đinh Văn Thanh	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	25
31	Đinh Văn Phát	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	20
32	Đinh Văn Dăng	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	40
33	Đinh A Xi	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	25
34	Đinh Ra Huy	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	15
35	Đinh Văn Phẩm	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	16
36	Đinh Văn Tre	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	15
37	Đinh Văn Đờ	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	20
38	Đinh Thị Chinh	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	550	20
39	Đinh Văn Theo	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	15
40	Đinh Văn Phú	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
41	Đinh Văn Sắt	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	20
42	ĐinhThị Trầm	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	25
43	Đinh Văn Bài	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	560	20

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
44	Đinh Văn Huyền	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
45	Đinh văn Bông	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	25
46	Đinh Thị Khôi	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	40
47	Đinh Văn Triên	3	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
48	Đinh Văn Viều	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	15
49	Đinh Tà Mau	2	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	20
50	Đinh Văn Ép	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	40
51	Đinh Văn Đòn	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
52	Đinh Văn Hóa	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	550	25
53	Đinh Thị Thâm	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	20
54	Đinh Văn Xanh	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	25
55	Đinh Gà Hết	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	25
56	Đinh ăn Nhành	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	30
57	Đinh Ka Róp	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	20
58	Đinh Thị Rốc	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	30
59	Đinh Văn Húc	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	15
60	Đinh Văn Thừa	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	20
61	Đinh Pa Đành	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	35
62	Đinh Ít Yếu	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	20
63	Đinh Văn Sói	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	10
64	Đinh Văn Hòn	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	20
65	Đinh Văn Bằng	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	25
66	Đinh Văn Hoàng	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
67	Đinh Văn Hênh	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	25
68	Đinh Văn Lùn	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	20
69	Đinh Gia Róp	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	430	30
70	Đinh Văn Chút	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	25
71	Đinh Văn Nghéo	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
72	Đinh Văn Đồi	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	25
73	Đinh Văn Hoát (a)	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	20
74	Đinh Tấn Dũng	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	35

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
75	Đinh Văn Viết	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	20
76	Đinh Hà Rút	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	20
77	Đinh Văn Lạt	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	20
78	Đinh Văn Lê	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	25
79	Đinh Văn Bê	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	20
80	Đinh Văn Hưu	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	20
81	Đinh Văn Dít	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	26
82	Đinh Văn Trình	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	27
83	Đinh Văn Dũng (C)	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	18
84	Đinh Thị Banh	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	550	24
85	Đinh Văn Trêu	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	28
86	Đinh Văn Phúc (b)	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	30
87	Đinh Văn Trêu	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	700	35
88	Đinh Văn Dốt	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	400	18
89	Đinh Văn Léo	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	22
90	Đinh Quốc Sỹ	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	18
91	Đinh Văn Bôn	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	20
92	Đinh Văn Thiết	4	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	25
93	Đinh Văn Bế	6	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	450	15
94	Đinh Thị Hưng	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	600	25
95	Đinh Văn Ba	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,1	0	-	-
96	Đinh Văn Dế	5	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	-	-
97	Đinh Thị Đài	7	Thôn Tà Bi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,01	-	-
98	Đinh Văn Hủy	4	Thôn Tà Bi	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0		-	-
99	Đinh Văn Trảnh	4	Thôn Tà Bi	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0		-	-
		551		0	0	2	0	0	1	0	0	0	0	0,1	0,01	48.340	2.280
1	Đinh Văn Minh	8	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	15
2	Đinh Thạch Bích	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0		
3	Đinh Văn Cường	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	200	12
4	Đinh Văn Phòng	1	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	300	10
5	Đinh Văn Bé	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	100	13

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
6	Đinh Văn Bân	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	500	30
7	Đinh Văn Dót	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	100	20
8	Đinh Văn Bình	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	100	15
9	Đinh P Lun	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	50	10
10	Đinh Văn Lý	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	80	12
11	Đinh Văn Can	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	150	10
12	Đinh Văn Báu	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	100	15
13	Đinh Văn Sứu	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	300	10
14	Đinh Thị Chut	1	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0	0	100	10
15	Đinh Nghếu	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0,8		600	25
16	Đinh Thị NhƯa	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	100
17	Đinh Văn Hay	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0,9		100	15
18	Đinh Văn Lãi	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			70	10
19	Đinh Văn Huyềnh	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	10
20	Đinh Văn Tréo	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			80	15
21	Đinh Văn Hoách	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
22	Đinh Văn Bầm	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	12
23	Đinh Văn Rái	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			90	10
24	Đinh Văn Rít	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0,7		300	15
25	Đinh Văn Pả	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	15
26	Đinh Văn Siêu	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
27	Đinh Văn Sênh	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	100
28	Đinh Văn Mênh	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
29	Đinh Văn Phèo	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
30	Đinh Văn Minh	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
31	Đinh Văn Duốt	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
32	Đinh Văn Lê	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	15
33	Đinh Văn Huyền	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			300	20
34	Đinh Văn Chút	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
35	Đinh Văn Thay	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	1		300	25
36	Đinh Văn Rát	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
37	Đinh K Nha	7	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0,7		100	10
38	Đinh A Ru	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	10
39	Đinh Văn Nga	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
40	Đinh Ka Rẻo	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	10
41	Đinh Thị Hâm	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
42	Đinh Thị Rêu	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	16
43	Đinh Văn Loan	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
44	Đinh Thị Máy	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			300	25
45	Đinh Văn Dế	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
46	Đinh Hồng Phia	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			70	15
47	Đinh Văn Bía	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	16
48	Đinh Thị Thủy	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			70	15
49	Đinh Văn Sơm	6	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
50	Đinh Kim Đồng	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
51	Đinh Văn Sơn	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	10
52	Đinh Thâm	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	15
53	Đinh H Rẻo	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
54	Đinh Văn Rắt	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
55	Đinh K Lin	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
56	Đinh P Láy	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
57	Đinh Văn Ngít	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
58	Đinh Văn Hoành	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			70	15
59	Đinh Văn Huyết	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
60	Đinh Ngâm	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
61	Đinh Văn Tre	6	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
62	Đinh Văn Đê	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	10
63	Đinh Văn Sắt	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
64	Đinh Văn Bã	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
65	Đinh Văn Đa	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	10
66	Đinh Văn Veo	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			300	15
67	Đinh Văn Phôi	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
68	Đinh Văn Sơ	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			300	15
69	Đinh Súc	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			800	17
70	Đinh văn Miêu	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
71	Đinh Văn Sông	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			70	10
72	Đinh Văn Say	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			50	10
73	Đinh Văn Nghi	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	18
74	Đinh Văn Trị	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
75	Đinh Văn Phương	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	20
76	Đinh Văn Lương	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
77	Đinh Văn Thông	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			500	15
78	Đinh Văn Trà	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	18
79	Đinh Văn Nghiệp	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			200	15
80	Đinh Văn Khuya	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
81	Đinh Văn Xe	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	100
82	Đinh Thị Miêu	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			60	10
83	Đinh Vọt Nuông	1	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
84	Đinh Thị Kín	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0	0,7			
85	Đinh Văn Hen	2	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
86	Đinh Văn Mú	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			60	15
87	Đinh Văn Sia	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			70	10
88	Đinh Văn Quéo	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
89	Đinh Văn Trân	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	10
90	Đinh Văn Lạc	3	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	13
91	Đinh Văn Hép	4	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			80	20
92	Đinh Văn Duy	5	Thôn Làng Rìn	0	0	0	0	0	0		0	0	0			100	15
		329								1				4,8	0	12.870	1.472
1	Nguyễn Ngọc Sơn	4	Thôn Gia Ry							1							
2	Nguyễn Tấn Hoạch	4	Thôn Gia Ry							1							
3	Trần Thị Huệ	4	Thôn Gia Ry							1							
4	Phạm Ngọc Văn	6	Thôn Gia Ry							1							

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
5	Trần văn Thanh	4	Thôn Gia Ry							1							
6	Lê Đình Quang	4	Thôn Gia Ry							1							
7	Đặng Thị Duyên	2	Thôn Gia Ry							1							
8	Đặng Thị Phận	2	Thôn Gia Ry							1							
9	Nguyễn Văn Bảy	4	Thôn Gia Ry							1							
10	Đinh Văn Nét	4	Thôn Gia Ry											0,15		200	
11	Đinh Văn Nea	3	Thôn Gia Ry							1							
12	Đinh Quỳnh Long	3	Thôn Gia Ry							1							
13	Đinh Văn Viên	3	Thôn Gia Ry													100	
14	Đinh Văn K Rui	6	Thôn Gia Ry											0,003			
15	Đinh Văn Ôn	4	Thôn Gia Ry											0,02		300	
16	Đinh Thị Mê	4	Thôn Gia Ry											0,3			
17	Đinh Văn Nâng	4	Thôn Gia Ry										400				
18	Đinh Văn Quay	5	Thôn Gia Ry										300				
19	Đinh Văn Thế	4	Thôn Gia Ry										500			50	
20	Đinh Văn Mạnh	4	Thôn Gia Ry										300				
21	Đinh Văn Hiền	4	Thôn Gia Ry										300			100	
22	Đinh Văn Ly	4	Thôn Gia Ry										300				
23	Đinh Văn Khương	6	Thôn Gia Ry										300				
24	Đinh Văn Vê	5	Thôn Gia Ry										300				
25	Đinh Văn Nháp	4	Thôn Gia Ry										300				
26	Nguyễn Văn Long	4	Thôn Gia Ry										600				
27	Phạm xuân Thủy	4	Thôn Gia Ry										600				
28	Đinh Văn Sở	4	Thôn Gia Ry										300				
29	Đinh Văn Phanh	4	Thôn Gia Ry										300				
30	Đinh Văn Huyền	3	Thôn Gia Ry													200	
31	Đinh Hồng Quê	6	Thôn Gia Ry													200	
32	Đinh Thị Đỗ	2	Thôn Gia Ry													100	
33	Đinh Văn Bách	4	Thôn Gia Ry													100	
34	Đinh Thị Na	5	Thôn Gia Ry													100	
35	Đinh Thị Tuyết	5	Thôn Gia Ry													100	

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
36	Đinh Văn Sang	3	Thôn Gia Ry													200	
37	Đinh Văn Bôi	4	Thôn Gia Ry													300	
38	Đinh Thị Bèo	1	Thôn Gia Ry													100	
39	Đinh Văn Thấp	4	Thôn Gia Ry													300	
40	Đinh Thị Khoa	4	Thôn Gia Ry													100	
41	Đinh Phiên	6	Thôn Gia Ry													100	
42	Đinh Văn Huỳnh	6	Thôn Gia Ry													100	
43	Đinh Văn Biên	4	Thôn Gia Ry													100	
44	Đinh Văn Phương	5	Thôn Gia Ry													100	
45	Đinh Văn Vím	6	Thôn Gia Ry													100	
46	Đinh Vút	4	Thôn Gia Ry													100	
47	Đinh K Nhó	3	Thôn Gia Ry													100	
48	Đinh Văn Thanh	5	Thôn Gia Ry													100	
49	Đinh Văn Nam	5	Thôn Gia Ry													100	
50	Đinh Văn Lã	4	Thôn Gia Ry													100	
51	Đinh Văn Sen	6	Thôn Gia Ry													105	
52	Đinh Thị Hà	3	Thôn Gia Ry													200	
53	Đinh Thị Ná	1	Thôn Gia Ry													200	
54	Đinh Se	4	Thôn Gia Ry													100	
55	Đinh Thị Hiếu	3	Thôn Gia Ry													50	
56	Đinh Văn Đều	4	Thôn Gia Ry													50	
57	Đinh Văn Éo	5	Thôn Gia Ry													50	
58	Đinh Văn Hoáy	6	Thôn Gia Ry													10	
59	Đinh Thị Mề	4	Thôn Gia Ry													500	
60	Phạm Văn Dũng	5	Thôn Gia Ry													200	
61	Đinh Văn Lạc	5	Thôn Gia Ry													100	
62	Đinh Tiến Giới	3	Thôn Gia Ry													100	
63	Đinh Nhanh	4	Thôn Gia Ry													100	
64	Đinh Văn Róa	2	Thôn Gia Ry													100	
65	Đinh Văn Quyền	4	Thôn Gia Ry													100	
66	Đinh Thị Thuận	2	Thôn Gia Ry													100	

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
67	Đinh Văn Thông	3	Thôn Gia Ry													100	
68	Võ Tuấn	6	Thôn Gia Ry														
69	Nguyễn Ngọc Lương	4	Thôn Gia Ry														
70	Nguyễn Thị Liễu	3	Thôn Gia Ry														
		283								11			4800	0,473		5.715	
1	Đinh Văn Thành	4	Thôn Làng Lành		1												
2	Đinh Văn Bàu	4	Thôn Làng Lành		1												
3	Đinh Văn Biếp	3	Thôn Làng Lành		1												
4	Đinh Văn Nhỏ	3	Thôn Làng Lành										0,5				
5	Đinh Văn Ồi	3	Thôn Làng Lành														
6	Đinh Văn Phiên	3	Thôn Làng Lành														
7	Đinh Văn Nghét	4	Thôn Làng Lành													200	
8	Đinh Thị Sanh	5	Thôn Làng Lành													300	
9	Đinh Văn Phon	4	Thôn Làng Lành													250	
10	Đinh Văn Sáy	4	Thôn Làng Lành													300	
11	Đinh Văn Trề	3	Thôn Làng Lành		1												
12	Đinh Văn Trum	3	Thôn Làng Lành		1												
13	Đinh Văn Vèo	4	Thôn Làng Lành		1												
14	Đinh Văn Bài	4	Thôn Làng Lành														
15	Đinh Văn Sứa	2	Thôn Làng Lành		1												
		53			7									0,5		1.050	
1	Đinh Văn Âm	6	Thôn Làng Trắng													350	20
2	Đinh Văn Phét	5	Thôn Làng Trắng													300	15
3	Đinh Văn Oa	5	Thôn Làng Trắng														25
4	Đinh Văn Téch	4	Thôn Làng Trắng													400	30
5	Đinh Văn Tôi	4	Thôn Làng Trắng													300	25
6	Đinh Văn Banh	5	Thôn Làng Trắng													150	15
7	Đinh Văn Lúa	5	Thôn Làng Trắng														20
8	Đinh Văn Tría	3	Thôn Làng Trắng													150	15
9	Đinh Văn Bàu	4	Thôn Làng Trắng														20
10	Đinh Văn Phiếu	5	Thôn Làng Trắng													450	25

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
11	Đinh Văn Hết	7	Thôn Làng Trắng													400	25
12	Đinh Văn Chảy	4	Thôn Làng Trắng														30
13	Đinh Văn Đảnh	5	Thôn Làng Trắng														25
14	Đinh Pơ Lờ	5	Thôn Làng Trắng														20
15	Đinh Văn Đang	6	Thôn Làng Trắng													250	30
16	Đinh Văn Trá	5	Thôn Làng Trắng													300	25
17	Đinh Văn Tăng	4	Thôn Làng Trắng														25
18	Đinh Văn Ua	4	Thôn Làng Trắng													150	20
19	Đinh Ka Lý	3	Thôn Làng Trắng														25
20	Đinh Văn Nho	4	Thôn Làng Trắng													250	20
21	Đinh Văn Non	4	Thôn Làng Trắng														15
22	Đinh Văn Ưông	6	Thôn Làng Trắng													300	30
23	Đinh Văn Sanh	4	Thôn Làng Trắng													250	40
24	Đinh Văn Công	4	Thôn Làng Trắng														35
25	Đinh Văn Séo	5	Thôn Làng Trắng													350	40
26	Đinh Văn Bảo	5	Thôn Làng Trắng													100	20
27	Đinh Văn Đồn	4	Thôn Làng Trắng													200	15
28	Đinh Văn Hòa	6	Thôn Làng Trắng														25
29	Đinh Hà Vôi	4	Thôn Làng Trắng														15
30	Đinh Hồng Thắng	2	Thôn Làng Trắng													200	200
31	Đinh Văn Dĩ	4	Thôn Làng Trắng														20
32	Đinh Văn Đây	3	Thôn Làng Trắng														30
33	Đinh Văn Lía	3	Thôn Làng Trắng													150	20
34	Đinh Văn Tâm	4	Thôn Làng Trắng														30
35	Đinh Thị Tiêu	5	Thôn Làng Trắng														25
36	Đinh Văn Von	2	Thôn Làng Trắng														30
37	Đinh Văn Éo	4	Thôn Làng Trắng													100	20
38	Đinh Văn Mười	5	Thôn Làng Trắng														30
39	Đinh Văn Rễ	2	Thôn Làng Trắng														30
40	Đinh Văn Siêng	4	Thôn Làng Trắng													100	25
41	Đinh Văn Toàn	6	Thôn Làng Trắng														35

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
42	Đinh Văn Vát	3	Thôn Làng Trắng														20
43	Đinh Văn Cư	4	Thôn Làng Trắng													50	15
44	Đinh Văn Tréo	5	Thôn Làng Trắng														20
45	Đinh Văn Nhiên	5	Thôn Làng Trắng														30
46	Đinh Văn Nâng	5	Thôn Làng Trắng														30
47	Đinh Thị Bay	4	Thôn Làng Trắng													100	20
48	Đinh Văn Chiêm	5	Thôn Làng Trắng														30
49	Đinh Văn Vôi	4	Thôn Làng Trắng													100	35
50	Đinh Văn Cước	6	Thôn Làng Trắng														30
51	Đinh Văn Sèo	4	Thôn Làng Trắng													100	35
52	Đinh Văn Thư	5	Thôn Làng Trắng													150	20
53	Đinh Văn Rét	5	Thôn Làng Trắng														30
54	Đinh Văn Múa	6	Thôn Làng Trắng													100	30
55	Đinh Văn Nhên	5	Thôn Làng Trắng														35
56	Đinh Văn sót	6	Thôn Làng Trắng													350	45
57	Đinh Văn Dít	2	Thôn Làng Trắng													150	40
58	Đinh Ka Mừng	6	Thôn Làng Trắng														30
59	Đinh Thị Theo	5	Thôn Làng Trắng														25
60	Đinh Văn Sanh	6	Thôn Làng Trắng														35
61	Đinh Văn Sết	5	Thôn Làng Trắng													200	20
62	Đinh Văn Trê	5	Thôn Làng Trắng														30
63	Đinh Thị Mú	4	Thôn Làng Trắng														25
64	Đinh Văn Bời	3	Thôn Làng Trắng													150	20
65	Đinh Thị K Dét	1	Thôn Làng Trắng													100	25
66	Đinh Văn Bít	4	Thôn Làng Trắng														30
67	Đinh Thị Vá	4	Thôn Làng Trắng													200	25
68	Đinh Thị Máy	3	Thôn Làng Trắng														30
69	Đinh Văn Sễ	5	Thôn Làng Trắng													200	35
70	Đinh Văn Rìm		Thôn Làng Trắng														40
71	Đinh Thị Miên	3	Thôn Làng Trắng														45
72	Đinh Văn Heo	5	Thôn Làng Trắng														30

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
73	Đinh Văn Siêng	4	Thôn Làng Trắng														35
74	Đinh Văn Ua	5	Thôn Làng Trắng														20
		321														7.150	2.150
1	Đinh Thị Hèm	2	Thôn Gò Sim														25
2	Đinh Văn Nắt	5	Thôn Gò Sim													40	
3	Đinh Văn Lành	7	Thôn Gò Sim													30	
4	Đinh Văn Lang	5	Thôn Gò Sim													30	
5	Đinh Văn Muôn	4	Thôn Gò Sim														25
6	Đinh Văn Sinh	5	Thôn Gò Sim													30	
7	Đinh Văn Xiêm	5	Thôn Gò Sim													30	
8	Đinh Văn Trời	5	Thôn Gò Sim													30	
9	Đinh Văn Hồi	6	Thôn Gò Sim													25	
10	Đinh Văn Hải	5	Thôn Gò Sim													60	
11	Đinh Văn Trom	2	Thôn Gò Sim														25
12	Đinh Văn Phi	2	Thôn Gò Sim														20
13	Đinh Văn Éo	4	Thôn Gò Sim														26
14	Đinh Văn Sơn	4	Thôn Gò Sim														25
15	Đinh Văn Ngon	4	Thôn Gò Sim														20
16	Đinh Văn Tỏi	6	Thôn Gò Sim														20
17	Đinh Văn Sí	3	Thôn Gò Sim														18
18	Đinh Văn Vôn	3	Thôn Gò Sim														20
19	Đinh Văn Chăm	3	Thôn Gò Sim														20
20	Đinh Văn Đẻ	3	Thôn Gò Sim														20
21	Đinh Văn Léo	4	Thôn Gò Sim														15
22	Đinh Văn Sinh	4	Thôn Gò Sim														15
23	Đinh Văn Mãng	5	Thôn Gò Sim														15
24	Đinh Văn Séo	4	Thôn Gò Sim														15
25	Đinh Văn Léo	4	Thôn Gò Sim														10
26	Đinh Văn Triêm	5	Thôn Gò Sim														25
27	Đinh Văn Ban	4	Thôn Gò Sim														10
28	Đinh Văn Lực	4	Thôn Gò Sim													14	

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)
29	Đinh Văn Thành	6	Thôn Gò Sim														80
30	Đinh Văn Lân	6	Thôn Gò Sim														90
31	Đinh Văn Lã	5	Thôn Gò Sim													85	
32	Đinh Văn Dôn	4	Thôn Gò Sim														60
33	Đinh Văn Sem	5	Thôn Gò Sim														95
34	Đinh Văn Sía	3	Thôn Gò Sim													70	
35	Đinh Văn Pểu	4	Thôn Gò Sim														60
36	Đinh Văn Phen	6	Thôn Gò Sim														60
37	Đinh Văn Phương	4	Thôn Gò Sim														130
38	Đinh Văn Liên	5	Thôn Gò Sim														85
39	Đinh Văn Phá	6	Thôn Gò Sim														100
40	Đinh Văn Nheo	5	Thôn Gò Sim														50
41	Đinh Văn Nói	4	Thôn Gò Sim														110
42	Đinh Văn Bang	4	Thôn Gò Sim														60
43	Đinh Thị My	4	Thôn Gò Sim														30
44	Đinh Văn Tê	5	Thôn Gò Sim														60
45	Đinh Văn Vụ	6	Thôn Gò Sim														150
46	Đinh Văn Mèo	5	Thôn Gò Sim														60
47	Đinh Văn Mĩa	4	Thôn Gò Sim														60
48	Đinh Văn Dỗi	6	Thôn Gò Sim														90
49	Đinh Văn Nót	3	Thôn Gò Sim														85
50	Đinh văn Cư	4	Thôn Gò Sim														90
51	Đinh Văn Phim	5	Thôn Gò Sim														100
52	Đinh Văn Trâm	5	Thôn Gò Sim														110
53	Đinh Thị Linh	4	Thôn Gò Sim														40
54	Đinh Văn Phu	4	Thôn Gò Sim														30
55	Đinh Thị Châm	6	Thôn Gò Sim														40
56	Đinh Văn Hoách	3	Thôn Gò Sim														50
57	Đinh Thị Tư	4	Thôn Gò Sim														60
58	Đinh Thị Rã	2	Thôn Gò Sim														50
59	Đinh Văn Sâm	6	Thôn Gò Sim														90

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

[illegible]

ST T	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ (thôn)	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuồng gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa						
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản (m)	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
0	0	
0	0	
0	0	
0	0	
1		
1		
1		
1		
1		
1		
1		
1		
1		
1		
1		
1		
1		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		

3

1,5

1

1

10000

9000

500

Keo 500m 15 %

20%

5000m

600 m 15 %

1000 15 %

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
0		100m 10%
0		700m
0		300m 15%
0		
0		400m 20%
0		10000m
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		500m 10%
0		
0		
0		
0		700m 15%
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		

[illegible]

[illegible]

ao cá 500 m

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
0		
1		2000 keo con
1		2000 keo con
1		
1		

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
1		2000
		1000 keo con
1		
		1000 keo con
		1000 keo con

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
1		
8		
30		
28		
6		
16		
4		
4		
10		
6		
8		
100		

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
20		
4		
4		
6		
4		
25		
10		
12		
14		
6		
6		
4		
6		
8		
3		
2		
4		
6		
4		
3		
4		
5		
6		
3		
8		
4		
6		
20		
24		
26		
28		

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
6		
20		
6		
6		
4		
5		
10		
5		
4		
3		
6		
10		
8		
6		

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
6		
5		
7		
9		
7		
4		
8		
10		
5		
8		
10		
4		
3		
6		
8		
6		
8		
7		
6		
8		
10		
10		
4		
6		
6		
767	0	0

[illegible]

[illegible]

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	
1		
1		

[illegible]

[illegible]

[illegible]

		Ghi chú
Giếng nước bị ngập	khác	

PHỤ LỤC 02

Thiệt hại của nhân dân do thiên tai gây ra trên địa bàn xã Sơn Thủy, từ ngày 25 đến ngày 02/11/2025

(Kèm Công văn số /UBND-KT ngày /11/2025 của UBND xã Sơn Thủy)

ST T	Tên thôn	Hộ	Số khẩu	Thiệt hại về người	Thiệt hại nhà ở				Chuẩn g gia súc, vật nuôi(%)	Nhà ngập nước	Thiệt hại cây cối, hoa màu.....								
					Dưới 30%	30- 50%	50- 70%	70- 100%			Gia súc	Gia cầm	thủy sản	Cây keo >30% (ha)	hoa màu (m2)	Sa bồi (m2)	thủy phá (m2)	Giếng nước bị ngập	khác
1	Thôn Tà Pía	53	230	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	4,6	0	-	10	0	
2	Thôn Tà Mát	49	204	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3000	-	1.804	0	
3	Thôn Gò Sim	69	297	0		0	0	0	0	2	0	0	2000	0	900	444	3.219	7	
4	Thôn Làng Trắng	74	321	0	0	0	0		0	0	0	0		0	0	7.150	2.150	0	
5	Thôn Làng Lành	15	53	0	7	0	0	0		0	0	0	0	0,5	0	1.050	-	0	
6	Thôn Tà Bần	91	332	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1.815	805	0	
7	Thôn Tà Bi	99	551	0	0	2	0	0	1	0	0	0	0	0,01	0	48.340	2.280	0	
8	Thôn Tà Cơm	98	467	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20.687	1.118	0	
9	Thôn Làng Rào	100	403	0	0	0	0	0	20	0	0	0	0	0	0	0	15010	767	
10	Thôn Giá Gối	16	55	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0,81	2960	-	-	0	
11	Thôn Làng Nà	16	53	0	0	0	0	0	0	0	0	0	300	0,14	850	15.700	-	0	
12	Thôn Làng Rìn	92	329	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	4,8	0	12.870	1.472		
13	Thôn Làng Đèo	89	342	0	0	0	0	0	0	36	0	0	0	0	140	559	731	8	
14	Thôn Gia Ry	70	283	0	0	0	0	0	0	11	0	0	4800	0,473	0	5.715	-	3	
15	Thôn Tà Mầu	60	241	0	0	0	0	0	0	15	0	0	0	0	3315	488	-	0	
16	Thôn Gò Rộc	61	213	0	0	1	0	0	0	8	0			5,57		8.883	133	12	
	Tổng cộng	1052	4374	0	7	3	0	0	23	73	0	0	8100	16,903	11165	123.701	28.732	797	0

[illegible]